

Số: 40 /NQ-HĐQT.NK24-29

Sóc Trăng, ngày 03 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc Ban hành Quy chế công bố thông tin
của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 16/5/2024;

Căn cứ Biên bản số 08/BB-HĐQT.NK24-29 ngày 02/12/2024 về việc họp Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng nhiệm kỳ 2024-2029.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Quy chế công bố thông tin” của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

(Đính kèm Quy chế)

Điều 2. Quy chế công bố thông tin này được áp dụng tại Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng. Các quy định trước đây trái với nội dung Quy chế này đều không còn hiệu lực.

Điều 3. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát, các cổ đông, các đơn vị trực thuộc, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT. *VT*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Anh Hòa

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**

*(Ban hành theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐQT.NK24-29 ngày 03/12/2024 của
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng)*

Sóc Trăng, ngày 03 tháng 12 năm 2024

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CBTT	Công bố thông tin
SGDCK	Sở Giao dịch chứng khoán
TCTLKVBTKVN	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chương I VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
4. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
5. Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
6. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
7. Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 14 tháng 07 năm 2021;
8. Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021;
9. Căn cứ Quy chế đăng ký và quản lý giao dịch chứng khoán chưa niêm yết theo Quyết định số 34/QĐ-HĐTĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022;
10. Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
11. Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
12. Các văn bản pháp luật khác liên quan và các quy chế công bố thông tin được ban hành bởi các Sở giao dịch chứng khoán và Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo các quy định của pháp luật hiện hành và việc phối hợp quan hệ công tác giữa các phòng, ban, bộ phận của Công ty cổ

TMC

phần Cấp nước Sóc Trăng trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng: Các đối tượng công bố thông tin chịu sự điều chỉnh của Quy chế này bao gồm:

- a) Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty”);
- b) Người công bố thông tin;
- c) Các phòng ban liên quan gồm: Phòng Kế toán tài vụ, Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Kế hoạch Vật tư, Phòng Kỹ thuật;
- d) Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm các đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC và các đối tượng khác được điều chỉnh bởi các quy định của pháp luật hiện hành hoặc văn bản được thay thế;

2. Người nội bộ của Công ty là cá nhân được quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và các đối tượng khác được điều chỉnh bởi các quy định của pháp luật hiện hành hoặc văn bản được thay thế;

3. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và các đối tượng khác được điều chỉnh bởi các quy định của pháp luật hiện hành hoặc văn bản được thay thế;

4. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này.

5. Ngày báo cáo là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

6. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập;

7. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định theo quy định tại khoản 12, Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC và các đối tượng khác được điều chỉnh bởi các quy định của pháp luật hiện hành hoặc văn bản được thay thế.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật. Trường hợp công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của

nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý. Đối với tổ chức, thông tin công bố sẽ bao gồm các Giấy tờ pháp lý của tổ chức như: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác; Địa chỉ đăng ký trụ sở chính, số điện thoại, số fax, thư điện tử, mã chứng khoán, số tài khoản giao dịch chứng khoán và các thông tin khác theo quy định.

2. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 5 Quy chế này.

4. Việc công bố thông tin thực hiện theo đúng mẫu và bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan. Ngôn từ trong thông tin công bố cần rõ ràng, dễ hiểu.

5. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

7. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt và tiếng Anh quy định tại Điều 4 Thông tư 68/2024/TT-BTC.

8. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện công bố thông tin trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty đó theo quy định của Quy chế này và văn bản pháp luật có liên quan.

a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện

theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.

b) Tổ chức phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (*Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đại chúng, thành viên lưu ký, TCTLKVBTCVN hoặc tổ chức khác*) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:

a) Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho UBCKNN và SGDCK Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục III ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;

b) Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật;

c) Cá nhân phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người được ủy quyền công bố thông tin cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc ủy quyền công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người được ủy quyền công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu tại Phụ lục II ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC (*Trường hợp người được ủy quyền công bố thông tin là cá nhân*).

Điều 5. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

1. Các phương tiện Công ty sử dụng báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (*website*) của Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN (*IDS plus*);
- c) Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của SGDCK;

d) Trang thông tin điện tử của TCTLKVBTKVN;

e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (*báo in, báo điện tử...*).

2. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, hệ thống công bố thông tin của Sở GDCK được thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN và Sở GDCK.

3. Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

4. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo UBCKNN, SGCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương III

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 7. Hướng dẫn CBTT các phòng ban liên quan

1. Phòng Kế toán tài vụ

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin
1	Báo cáo tài chính quý	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý.
2	Báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có)	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được bản ký từ tổ chức kiểm toán
3	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được bản ký từ tổ chức kiểm toán
4	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Ngay sau khi nhận được bản ký từ kiểm toán
5	<p>Chú ý khi công bố thông tin Báo cáo tài chính phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra 1 trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại. 	Công bố thông tin đồng thời với Báo cáo tài chính cần giải trình	Công bố thông tin đồng thời với Báo cáo tài chính cần giải trình

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin
6	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi ký ban hành
7	Quyết định thay đổi mã số thuế, tên công ty, con dấu của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi ký ban hành
8	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng).	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi ký ban hành
9	Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi ký ban hành
10	Kết quả điều chỉnh hội tố BCTC (nếu có).	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi ký ban hành
11	Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC.	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi nhận được ý kiến của kiểm toán viên đối với BCTC
12	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi nhận được quyết định
13	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi nhận được quyết định
14	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi nhận được quyết định
15	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký
16	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	Ngay sau khi VB được ký ban hành

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin
17	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Theo quy định pháp luật CK hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam	Ngay sau khi VB được ký ban hành
18	Tổng tài sản (<i>ghi trong sổ kế toán</i>) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của chính mình	CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán	Ngay sau khi VB được ký ban hành

2. Phòng Tổ chức Hành chính

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin
1	Báo cáo thường niên	Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trong thời gian 15 ngày sau ngày công bố BCTC năm
2	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên	Chậm nhất 30 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch
3	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm	Chậm nhất 30 ngày , kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch
4	Báo cáo cung cấp thông tin về quản trị công ty 6 tháng đầu năm/ năm	Báo cáo Sở giao dịch chứng khoán chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch/ chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.	Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch/ 20 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch
5	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Trong thời gian 15 ngày trước ngày ĐKCC
6	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông	Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ (<i>Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn</i>)	Trong thời gian 15 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin
7	Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội. <i>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	Ngay sau khi ký ban hành
8	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng nếu Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ không quy định khác	Trong thời gian 7 ngày trước ngày ĐKCC
9	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến (<i>Nếu Điều lệ không quy định thời hạn khác dài hơn</i>)	Trong thời gian 7 ngày
10	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. <i>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	Ngay sau khi ký ban hành
11	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh
12	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi thay đổi nội dung
13	Công bố thông tin về thay đổi nội dung, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động theo Phụ lục III - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin
14	Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi bị thu hồi
15	Quyết định mua lại cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ.	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi ký ban hành
16	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi ký ban hành
17	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi ký ban hành
18	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi ký ban hành
19	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (<i>chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp</i>), giải thể doanh nghiệp, phá sản doanh nghiệp;	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi ký ban hành
20	Quyết định thay đổi mã số thuế, tên công ty, con dấu của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi ký ban hành
21	Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi ký ban hành
22	Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi ký ban hành
23	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi ký ban hành
24	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (<i>trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật</i>).	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi ký ban hành

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin
25	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi ký ban hành
26	Trường hợp Công ty thay đổi mô hình công ty (<i>tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết</i>), ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện đăng ký theo Phụ lục IV - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN .	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi ký ban hành
27	- Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi có sự thay đổi
28	- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi có sự thay đổi
29	- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi có sự thay đổi

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin
	<i>công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.</i>		
30	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ.	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi ký ban hành
31	Công ty nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (<i>công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty</i>)	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi nhận được đơn
32	Công ty gửi (<i>Bản cứng</i>) cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (<i>nếu có</i>) theo Phụ lục III - TT96	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi nhận được bản CCTT của NNB mới
33	Công ty gửi cho SGDCK Bản cung cấp thông tin (<i>trường hợp bổ nhiệm người nội bộ mới</i>) theo Phụ lục III - TT96	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi nhận được bản CCTT của NNB mới
34	Trường hợp có sự thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty báo cáo cho SGDCK về thay đổi người có liên quan của người nội bộ theo Phụ lục II - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN .	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi ký ban hành
35	Nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi nhận được QĐ
36	Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty;	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi nhận được bản án, quyết định
37	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi nhận được TB

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin
38	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi phát sinh sự kiện, thông tin
39	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết
40	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi nhận được quyết định
41	Công ty gửi thông báo đến SGDCK về việc kết thúc việc công bố thông tin theo quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn theo Mẫu 10_CBTT/SGDHN.	Trong vòng 05 ngày làm việc trước ngày kết thúc thời hạn công bố thông tin quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn,	Trong thời hạn 03 ngày làm việc trước ngày kết thúc thời hạn CB
42	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSDC, báo cáo cho SGDCK đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan.	Chậm nhất 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (<i>thực hiện quyền tham dự họp ĐHCĐ</i>)	Ngay sau khi Thông báo về ngày ĐKCC được ký ban hành
		Chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (<i>thực hiện các quyền khác</i>)	Ngay sau khi Thông báo về ngày ĐKCC được ký ban hành
43	Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, CBTT và gửi thông báo cho SGDCK nêu rõ lý do hủy.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng	Ngay sau khi TB hủy được ký
44	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	Ngay sau khi VB được ký ban hành

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin
45	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Theo quy định pháp luật CK hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam	Ngay sau khi VB được ký ban hành
46	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Ngay sau khi VB được ký ban hành

3. Phòng Kế hoạch Vật tư, Phòng Kỹ thuật kết hợp với Phòng Kế toán tài vụ, Phòng Tổ chức Hành chính

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin
1	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua họp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi ký ban hành
2	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi ký ban hành
3	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi phát sinh sự việc
4	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua họp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;	Trong thời hạn 24 giờ	Ngay sau khi ký ban hành

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin
5	Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán khi:		
-	Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Ngay sau khi hoàn tất VB phản hồi
-	Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Ngay sau khi hoàn tất VB phản hồi

Chương III

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 8. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCCK theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, UBCKNN và SGDCCK trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

4. Quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.

5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu.

6. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 9. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ

1. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCCK (*Đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết*), Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (*Đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ*) hoặc theo giá phát hành gần nhất (*Đối với chứng quyền có bảo đảm*) hoặc giá trị chuyển

nhượng (*Đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ*), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (*Như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác*), như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK;

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là người có liên quan của người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (*Trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký*) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (*nếu có*) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành theo Thông tư 96/2020/TT- BTC;

e) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy

định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại điểm a, b, d khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của đối tượng này.

4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (*Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội CCB...*), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 10. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

1. Trường hợp tổ chức, cá nhân chào mua công khai thanh toán bằng tiền, hồ sơ đăng ký chào mua công khai phải đính kèm Bản công bố thông tin theo Mẫu số 24 Phụ lục ban hành theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào mua công khai, tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai phải gửi Báo cáo kết quả đợt chào mua công khai cho UBCKNN, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của tổ chức chào mua công khai (*nếu có*), đại lý chào mua công khai, SGDCK.

3. Báo cáo kết quả chào mua công khai được lập theo mẫu tại Phụ lục số 33 ban hành theo Thông tư 118/2020/TT-BTC.

Chương IV QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 11. Quy trình công bố thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư và cơ quan có thẩm quyền

1. Hình thức thực hiện

Công ty có thể thực hiện việc công bố thông tin qua một trong các hình thức sau:

- a) Bằng văn bản;
- b) Trao đổi trực tiếp thông qua các buổi họp;
- c) Thông qua email đã đăng ký với Công ty;
- d) Qua điện thoại.

2. Phương thức thực hiện

Khi cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền cần thông tin, người thực hiện công bố thông tin cung cấp các thông tin thuộc danh mục thông tin phải công bố. Trong trường hợp thắc mắc, yêu cầu của cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền không thuộc danh mục thông tin phải công bố thì người thực hiện công bố

thông tin có thể tham khảo ý kiến của cấp lãnh đạo có thẩm quyền, đơn vị tư vấn, cơ quan chức năng và các bộ phận chuyên môn có liên quan khác khi cần thiết để phản hồi kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền.

3. Chi tiết các quy trình công bố thông tin

a) Quy trình công bố thông tin định kỳ và nhiệm vụ của các bên liên quan

QUY TRÌNH	BỘ PHẬN CHỊU TRÁCH NHIỆM
Bước 1: Thông báo thông tin công bố	Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin: - Thông báo thông tin phải công bố tới đơn vị/phòng nghiệp vụ phụ trách trực tiếp và các bên liên quan (nếu có) về nội dung và thời hạn thông tin cần công bố; - Hiểu rõ các quy định về công bố.
Bước 2: Cung cấp thông tin định kỳ	Đơn vị/phòng nghiệp vụ phụ trách trực tiếp và các bên liên quan (nếu có): - Lập và đảm bảo tính đầy đủ, minh bạch, chính xác, kịp thời các tài liệu, báo cáo định kỳ; - Trình Tổng Giám đốc hoặc Người phụ trách phê duyệt trước khi chuyển cho Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin.
Bước 3: Xem xét nội dung	Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin: - Xem xét nội dung các tài liệu, báo cáo định kỳ trước khi tiến hành công bố thông tin; - Đảm bảo nội dung các tài liệu, báo cáo đầy đủ và kịp thời.
Bước 4: Công bố thông tin	Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin: - Thực hiện công bố thông tin trên các kênh theo quy định của Quy chế này; - Công bố thông tin đúng thời hạn đến các kênh theo quy định của Quy chế này; - Đảm bảo các thông tin được công bố được gửi đến hoặc đăng tải trên các kênh công bố thông tin theo quy định của Quy chế này.
Bước 5: Lưu trữ	Bộ phận thực hiện công bố thông tin, Bộ phận Văn thư và các bộ phận liên quan khác lưu trữ các thông tin công bố đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

b) Công bố thông tin bất thường

QUY TRÌNH	BỘ PHẬN CHỊU TRÁCH NHIỆM
Bước 1: Thông báo thông tin công bố bất thường	Đơn vị/phòng/ban/cá nhân, tổ chức có liên quan: - Liên hệ, trao đổi, thông báo với Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin để biết thông tin phát sinh thuộc nội dung thông tin cần công bố tại Chương II của Quy chế; - Đảm bảo thông báo đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin phát sinh để bộ phận/người thực hiện công bố thông tin thực hiện việc công bố kịp thời theo quy định.

QUY TRÌNH	BỘ PHẬN CHỊU TRÁCH NHIỆM
Bước 2: Cung cấp thông tin bất thường phải công bố	Đơn vị/phòng/ban/cá nhân, tổ chức có liên quan: - Lập và đảm bảo tính đầy đủ, minh bạch, chính xác, kịp thời của các tài liệu, báo cáo cần công bố thông tin; - Trình Tổng Giám đốc hoặc Người phụ trách phê duyệt để chuyển Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin; - Gửi đầy đủ tài liệu, báo cáo cần công bố cho Bộ phận công bố thông tin theo đúng thời hạn quy định.
Bước 3: Xem xét nội dung	Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin: - Xem xét nội dung các tài liệu, báo cáo bất thường trước khi tiến hành công bố thông tin; - Đảm bảo tính đầy đủ, kịp thời của nội dung các tài liệu, báo cáo bất thường cần công bố.
Bước 4: Công bố thông tin	Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin: - Thực hiện công bố thông tin trên các kênh theo quy định của Quy chế này; - Công bố thông tin đúng thời hạn đến các kênh theo quy định của Quy chế này; - Đảm bảo các thông tin được công bố được gửi đến hoặc đăng tải trên các kênh công bố thông tin theo quy định của Quy chế này.
Bước 5: Lưu trữ	Bộ phận thực hiện công bố thông tin, Bộ phận Văn thư và các bộ phận liên quan khác lưu trữ các nội dung công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Trách nhiệm Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin

1. Giám sát việc thực hiện đúng quy trình công bố thông tin.
2. Kiểm tra chính xác, phù hợp với nội dung thông tin cần công bố, công bố, đối chiếu với các quy định hiện hành về công bố thông tin và thực hiện công bố thông tin đến các tổ chức, cá nhân cần thiết theo quy định.
3. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về việc thực hiện công bố thông tin.
4. Thực hiện các công việc khác được giao.

Điều 13. Trách nhiệm của các đơn vị/ phòng nghiệp vụ/ cá nhân liên quan

1. Đảm bảo tuân thủ và thực hiện đúng Quy chế công bố thông tin.
2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của Bộ phận công bố thông tin.
3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của thông tin cung cấp cho Bộ phận công bố thông tin.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có

những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

2. Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng bao gồm 05 Chương, 14 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ khi được Hội đồng quản trị thông qua ngày 02/12/2024.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Anh Hòa

MỤC LỤC

Chương I VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN	1
Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ	2
Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin	2
Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin	3
Điều 5. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin.....	4
Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin.....	5
Chương III CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY	6
Điều 7. Hướng dẫn CBTT các phòng ban liên quan.....	6
Chương III CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC	16
Điều 8. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành	16
Điều 9. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ.....	16
Điều 10. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai	18
Chương IV QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN	18
Điều 11. Quy trình công bố thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư và cơ quan có thẩm quyền	18
Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	20
Điều 12. Trách nhiệm Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin	20
Điều 13. Trách nhiệm của các đơn vị/ phòng nghiệp vụ/ cá nhân liên quan.....	20
Điều 14. Điều khoản thi hành	20